TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT
Ngày 22-5-2019
"V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên;
Bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên toà: bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút bị kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2019/QĐ-PT ngày 10-4-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Đỗ Thị M - Vắng mặt;
- Ông Bùi Xuân H – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung X - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N - Có mặt.

Địa chỉ: Số 324, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quốc T - Có mặt.

- Bà Lương Thị H - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đỗ Thị M, ông Bùi Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018; bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích N thanh toán số tiền 200.000.000 đồng đã vay, cụ thể như sau:

Ngày 15/01/2014, chị Nguyễn Thị Bích N vay của ông Bùi Xuân H và bà Đỗ Thị M 200.000.000 đồng, hẹn trong năm 2014 trả nợ, chị N vay tiền có viết giấy và ký tên, mục đích vay tiền là để cho bố mẹ chị N (ông T, bà H) vay lại, thực tế có cho vay lại hay không nguyên đơn không biết. Đến hạn chị N không trả nợ, nhiều lần nguyên đơn đòi nợ chị N tuyên bố không trả với lý do vay tiền cho bố mẹ nên yêu cầu đòi bố mẹ chị N. Nhận thấy việc chị N viết giấy vay tiền và ký xác nhận vay của ông H, bà M 200.000.000 đồng nhưng đến hạn không trả mặc dù ông H bà M đòi nợ nhiều lần là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận giữa hai bên, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông H, bà M nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải trả 200.000.000 đồng, ngoài ra ông H, bà M không yêu cầu gì khác. Quá trình cho vay không có anh Nguyễn Văn T là chồng chị N tham gia nên ông H, bà M không có yêu cầu gì đối với anh T.

- *Bị đơn Nguyễn Thị Bích N trình bày:* Chị N thừa nhận có viết giấy vay tiền của ông H, bà M, có sự việc ông H, bà M yêu cầu chị trả nợ nhưng chị N hoàn toàn không đồng ý lời khai cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì:

Chị N không rõ cụ thể ngày tháng, chỉ biết theo bố mẹ chị N kể lại, bố mẹ chị N có vay của nguyên đơn 03 tấn cà phê nhân, giá thời điểm đó chốt 37.700 đồng/kg, làm tròn 131.000.000 đồng, lúc đó bố mẹ chị N là người viết giấy vay, thỏa thuận lãi suất, trả lãi, gốc như thế nào nào chị N không biết. Chỉ biết năm 2014, bố mẹ chị N tiếp tục cần tiền để đầu tư xây trang trại heo, hỏi nguyên đơn vay tiếp nhưng nguyên đơn đặt ra điều kiện chị N phải viết một giấy vay tiền của nguyên đơn thì nguyên đơn vay tiền ngân hàng về cho bố mẹ chị N vay lại. Với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bố mẹ chị N như vậy chị N muốn giúp bố mẹ nên đã đồng ý viết giấy vay tiền của nguyên đơn với số tiền theo yêu cầu là 200.000.000 đồng (là số tiền gốc 131.000.000 đồng và lãi do nguyên đơn tính, chị N thể hiện điều này vào giấy vay tiền) còn thực tế chị N

không vay và không nhận tiền của nguyên đơn. Sau khi chị N viết giấy xong thì nguyên đơn không thực hiện lời hứa về việc cho bố mẹ chị N vay thêm tiền. Ngoài nội dung viết giấy vay tiền ra thì các thỏa thuận khác cũng như việc trả nợ đều không lập giấy tờ. Nguyên đơn có đòi nợ chị N nhiều lần nhưng chị N vẫn trả lời là khoản vay trên của bố mẹ chị N nên bố mẹ chị N sẽ có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Trong năm 2017 nguyên đơn đòi nợ và thông báo việc sẽ khởi kiện chị N nên chị N đã ghi âm lại các cuộc gọi giữa chị N và bà M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Nguyễn Quốc T và bà Lương Thị H không đồng ý lời khai cũng như yêu cầu buộc chị N trả nợ của nguyên đơn vì lời khai của bị đơn là đúng sự thật. Ông T, bà H bổ sung thêm nguyên đơn có hứa sẽ cho ông T, bà H vay thêm 250.000.000 đồng với điều kiện chị N là người viết giấy vay số tiền là 200.000.000 đồng nợ cũ. Số tiền 131.000.000 đồng vay năm 2011 được ông bà và ông H, bà M thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Sau khi chị N viết giấy vay tiền xong thì ông H, bà M không vay được tiền ngân hàng để cho ông bà vay lại 250.000.000 đồng như đã cam kết. Về phần trả nợ, từ ngày chị N viết giấy cho đến năm 2017 ông bà trực tiếp và thông qua chị N đã trả được số tiền mặt 61.000.000 đồng (chị N trả hai lần 30.000.000 đồng, ông T trả 02 lần 10.000.000 đồng, trả góp 21.000.000 đồng) và một số cà phê tươi quy đổi thành tiền được 30.811.000 đồng. Tuy nhiên ngày 21/9/2014 ông T, bà H có vay thêm của ông H, bà M số tiền 10.000.000 đồng nữa, hiện tại ông bà vẫn còn nợ nên việc trả nợ chưa tính toán cụ thể, không thỏa thuận cụ thể trả gốc hay lãi, chỉ biết có được bao nhiêu trả dần bấy nhiêu sau này mới tính toán sau. Việc trả nợ bằng cà phê tươi các bên có viết mã cân cà phê còn trả nợ bằng tiền mặt thì không có giấy tờ gì. Ông T, bà H là người vay nên sẽ có trách nhiệm trả nợ, ông bà không đồng ý cho chị N trả nợ thay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự nghe 02 file ghi âm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận file ghi âm ngày 14/12/2017 mà chị N cung cấp người nhận cuộc gọi là bà M, nội dung ghi âm rõ ràng, không bị tẩy xóa, cắt ghép. Tuy nhiên việc ghi âm là chủ đích của chị N nên nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án cũng như Hội đồng xét xử tiến hành giám định 02 file ghi âm mà chị N cung cấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 120, Điều 124, Điều 283, Điều 284 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Bích N viết và ký tên ngày 15/01/2014 đối với số tiền 200.000.000 đồng vay của ông H, bà M là vô hiệu.

Hủy giá trị pháp lý của giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Bích N viết và ký tên ngày 15/01/2014 đối với số tiền 200.000.000 đồng vay của ông H, bà M.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08-01-2019, nguyên đơn bà M, ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-VKS-DS đối với bản án số 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thoả thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích N chấp nhận trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 70.000.000 đồng, trả vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả xong;

Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng như đã nêu trên thì bà M, ông H có quyền làm đơn thi hành án đối với số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 3.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001087 ngày 13-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai

số0000462 ngày 09-01-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự đã tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên toà là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 358, khoản 3 Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 của Luật đất đai 2003; Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H. Sửa bản án sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 27-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm, cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích N trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 70.000.000 đồng, trả vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả xong;

Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng như đã nêu trên thì bà M, ông H có quyền làm đơn thi hành án đối với số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 3.500.000 đồng.

2.2. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001087 ngày 13-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số0000462 ngày 09-01-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thị Ngọc